



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

CHI TIẾT VỀ KHÁCH HÀNG

	Họ tên	Giới tính	Tuổi bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Người được bảo hiểm (01)	Nguyễn Thị B	Nữ	18	1
Bên mua bảo hiểm (02)	Nguyễn Văn A	Nam	25	1

CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM

Đơn vị tính: VND

	Người được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Phí bảo hiểm		
					Năm	Nửa năm	Quý
BH An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện	(01)	300.000.000	15	15	14.331.000	7.523.800	3.941.000
BH Tai Nạn Cao Cấp	(01)	1.500.000.000	15	15	4.840.000	2.541.000	1.331.000
BH Bệnh Hiếm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	(01)	300.000.000	15	15	645.000	338.600	177.400
BH Tai Nạn Cao Cấp	(02)	1.500.000.000	15	15	4.840.000	2.541.000	1.331.000
BH Bệnh Hiếm Nghèo Cao Cấp Toàn Diện	(02)	300.000.000	15	15	825.000	433.100	226.900
Tổng cộng					25.481.000	13.377.500	7.007.300

Lưu ý:

- Phí bảo hiểm trên đây được tính toán cho người có sức khỏe bình thường theo quy định của Dai-ichi Life Việt Nam. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thăm định của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Nhóm nghề nghiệp tự xác định trên đây có thể được điều chỉnh theo quyết định thăm định của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Phí bảo hiểm theo định kỳ Nửa năm, Quý được tính dựa trên hệ số điều chỉnh phí của định kỳ đóng phí tương ứng, áp dụng tại thời điểm hiện tại. Hệ số này có thể thay đổi tùy theo quyết định của Dai-ichi Life Việt Nam tại từng thời điểm sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Sản phẩm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện được phê duyệt theo công văn số 7601/BTC-QLBH ngày 09/06/2014 và công văn số 13375/BTC-QLBH ngày 23/09/2014, công văn số 4616/BTC-QLBH ngày 20/04/2018, công văn số 623/BTC-QLBH ngày 16/01/2020 và công văn số 11277/BTC-QLBH ngày 01/11/2022 của Bộ Tài chính.

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Các quyền lợi cơ bản của Sản phẩm An Phúc Hưng Thịnh Toàn Diện

- **Quyền lợi bảo hiểm Tử vong:** là giá trị lớn nhất của một trong ba khoản: Số tiền bảo hiểm cộng với khoản chênh lệch chia thêm hoặc Giá trị hoàn lại hoặc Tổng phí bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm này trừ đi các Khoản nợ (nếu có).
- **Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 65:** là giá trị lớn nhất của một trong ba khoản: Số tiền bảo hiểm cộng với khoản chênh lệch chia thêm hoặc Giá trị hoàn lại hoặc Tổng phí bảo hiểm đã đóng cho sản phẩm này trừ đi các Khoản nợ (nếu có).
- **Quyền lợi tiền mặt định kỳ:** vào ngày đáo niên của mỗi 3 năm hợp đồng, khách hàng sẽ nhận được một khoản tiền mặt định kỳ. Quyền lợi tiền mặt định kỳ này sẽ được tính theo tỷ lệ % trên tổng phí bảo hiểm chuẩn của 3 (ba) năm gần nhất theo hợp đồng có thời hạn đóng phí bằng thời hạn hợp đồng.
- **Quyền lợi đáo hạn:** là Giá trị hợp đồng trừ đi các Khoản nợ (nếu có).
- **Quyền lợi hưởng lãi suất theo kết quả đầu tư thực tế:** quyền lợi đầu tư có thể tăng hoặc giảm. Trong mọi trường hợp, mức lãi suất đầu tư tối thiểu cam kết là 3%/ năm trong 5 năm đầu, 2%/ năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/ năm trong các năm tiếp theo.

Ghi chú:

- Việc kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng có thể dẫn đến chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị tiền mặt thực trả (nếu có) và không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào, không hoàn trả bất cứ khoản phí đã đóng nào.
- Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm bổ sung

● Sản phẩm Bảo hiểm Tai nạn cao cấp:

- Quyền lợi Tử vong do tai nạn hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn: 100% Số tiền bảo hiểm
- Quyền lợi Tử vong do tai nạn đặc biệt: 200% Số tiền bảo hiểm
- Quyền lợi Thương tật do tai nạn: tỷ lệ % của Số tiền bảo hiểm theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán
- Quyền lợi Hỗ trợ viện phí do tai nạn: 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú do thương tật

● Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo cao cấp toàn diện

- Quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ: nếu Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc một trong các Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ theo quy định của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả 50% Số tiền bảo hiểm của Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo cao cấp toàn diện. Quyền lợi bảo hiểm này sẽ được chi trả cho hai Bệnh hiểm nghèo thể nhẹ thuộc các nhóm bệnh khác nhau.
- Quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng: nếu Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc một trong các Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng theo quy định của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả 100% Số tiền bảo hiểm của Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo cao cấp toàn diện. Ngay sau khi Quyền lợi bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nghiêm trọng đã được chi trả, sản phẩm bảo hiểm bổ sung này sẽ chấm dứt hiệu lực.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

AN PHÚC HƯNG THỊNH TOÀN DIỆN

Minh họa Quyền lợi bảo hiểm (Sản phẩm chính) (1)

Đơn vị tính: VND

Năm hợp đồng	Tuổi	Các giá trị đảm bảo				Các giá trị ước tính			Quyền lợi tiền mặt định kỳ đảm bảo	Tiền lãi nếu Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại công ty (4)	Tổng Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy (5)
		Tổng phí bảo hiểm đã đóng (2)	Giá trị minh họa tại mức lãi suất đầu tư cam kết là 3%/ năm cho 5 năm đầu của HĐ, 2%/ năm từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và 1%/ năm cho những năm còn lại			Giá trị minh họa tại mức lãi suất 5%/ năm (*)					
			Quyền lợi tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại (3)	Quyền lợi tử vong	Giá trị hợp đồng	Giá trị hoàn lại (3)			
1	18	14.331.000	300.000.000	6.957.300	300.000.000	7.096.200					
2	19	28.662.000	300.000.000	15.562.900	300.000.000	16.015.600					
3	20	42.993.000	300.000.000	25.883.200	5.176.600	300.196.700	26.866.400	5.373.300	2.149.700	2.149.700	
4	21	57.324.000	300.000.000	37.243.800	11.173.200	300.528.600	39.006.100	11.701.800		139.700	2.289.400
5	22	71.655.000	300.000.000	49.690.700	19.876.300	301.129.500	52.514.500	21.005.800		288.500	2.438.200
6	23	85.986.000	300.000.000	62.652.800	31.326.400	302.410.600	67.474.000	33.737.000	2.149.700	447.000	4.746.400
7	24	100.317.000	300.000.000	76.631.600	45.979.000	304.400.100	83.965.100	50.379.100		755.500	5.054.900
8	25	114.648.000	300.000.000	91.653.500	64.157.500	307.292.700	102.071.700	71.450.200		1.084.100	5.383.500
9	26	128.979.000	300.000.000	107.012.700	85.610.100	311.291.300	121.126.800	96.901.400	4.299.300	1.434.000	10.032.700
10	27	143.310.000	300.000.000	122.715.000	98.172.000	314.770.500	141.178.100	112.942.500		2.086.100	10.684.800
11	28	157.641.000	300.000.000	137.405.600	109.924.500	319.897.300	162.277.300	129.821.800		2.780.600	11.379.300
12	29	171.972.000	300.000.000	152.273.600	121.818.900	325.760.000	184.473.700	147.578.900	4.299.300	3.520.300	16.418.300
13	30	186.303.000	300.000.000	167.317.500	133.854.000	332.402.900	207.821.200	166.256.900		4.587.500	17.485.500
14	31	200.634.000	300.000.000	182.539.000	146.031.200	339.872.000	232.379.000	185.903.200		5.724.100	18.622.100
15	32	214.965.000	300.000.000	197.936.700	158.349.400	348.216.600	258.207.500	206.566.000	6.449.000	6.934.500	26.281.500
Đáo hạn		214.965.000		197.936.700		258.207.500			19.347.000	6.934.500	26.281.500

Ghi chú:

(1) Bảng minh họa này dựa trên giả định:

Phí bảo hiểm đóng theo định kỳ hàng năm; quyền lợi tử vong, quyền lợi tiền mặt định kỳ, giá trị hợp đồng và giá trị hoàn lại minh họa có thể sẽ khác đối với những định kỳ đóng phí khác.

(2) Là tổng phí bảo hiểm đóng theo định kỳ phí năm và không bao gồm phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung.

(3) Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi hợp đồng đã có giá trị hoàn lại. Giá trị hoàn lại được minh họa với mức lãi suất cam kết chỉ được đảm bảo vào cuối mỗi năm hợp đồng tương ứng. Giá trị hoàn lại không bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ phát sinh. Khách hàng có thể tham khảo thêm thông tin về giá trị hoàn lại trong Quy tắc, điều khoản hợp đồng.

(4) Các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ nếu để lại Công ty, sẽ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Dai-ichi Life Việt Nam quy định tại từng thời điểm (tạm tính là 6.5%/ năm).

(5) Tổng quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy ước tính nêu trên dựa trên giả thiết các khoản Quyền lợi tiền mặt định kỳ được để lại Dai-ichi Life Việt Nam đến thời điểm đáo hạn.

(* Lãi suất thực tế sẽ được công bố vào mỗi đầu tháng dương lịch tại trang thông tin điện tử chính thức của Dai-ichi Life Việt Nam